

**QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS**  
**CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN**

ODP IV \_\_\_\_\_

DATE: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Fill out this questionnaire in English as completely as possible, if your cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

: Mail or send the completed questionnaire to:  
: gửi số câu hỏi này tới:

PO BOX 5435 ARLINGTON  
VA 22205-0635  
TEL: (703) 580-0058 SL USA

**A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản**

1. Name  
Họ, tên : LY THANH TUNG Sex  
Phái NAM
2. Other Names  
Họ, tên khác : nt
3. Date/Place of Birth  
Ngày/Nơi sinh : 16 - 11 - 1944. HỒI AN. CHƠM MỎ. AN GIANG
4. Residence Address  
Địa chỉ thường trú : 89/4 Đ. Trần Hưng Đạo. Quận 4
5. Mailing Address  
Địa chỉ thư từ : nt
6. Current Occupation  
Nghề nghiệp hiện tại : thợ may' Kế toán
7. Relatives To Accompany Me/  
Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

| Name<br>Họ, tên         | Date of Birth<br>Ngày/Tháng/Năm sinh | Place of Birth<br>Nơi sinh | Sex<br>Phái | MS<br>Tình trạng gia đình | Relationship<br>Liên hệ |
|-------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------|---------------------------|-------------------------|
| 1. <u>Trần Thị Bình</u> | <u>24. 8. 1940</u>                   | <u>Cholon</u>              | <u>Nữ</u>   | <u>vợ</u>                 |                         |
| 2. <u>Trần Thị Thuý</u> | <u>07. 9. 1971</u>                   | <u>Saigon</u>              | <u>Nữ</u>   |                           | <u>Con gái</u>          |
| 3. <u>Trần Văn Bình</u> | <u>10. 12. 1973</u>                  | <u>nt</u>                  | <u>Nam</u>  |                           | <u>con trai</u>         |
| 4. <u>Trần Văn Bình</u> | <u>11. 4. 1985</u>                   | <u>TP Hồ Chí Minh</u>      | <u>Nữ</u>   |                           | <u>con gái</u>          |
| 5. _____                |                                      |                            |             |                           |                         |
| 6. _____                |                                      |                            |             |                           |                         |
| 7. _____                |                                      |                            |             |                           |                         |
| 8. _____                |                                      |                            |             |                           |                         |
| 9. _____                |                                      |                            |             |                           |                         |
| 10. _____               |                                      |                            |             |                           |                         |
| 11. _____               |                                      |                            |             |                           |                         |
| 12. _____               |                                      |                            |             |                           |                         |

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorced decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please not their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mọi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần I bản khai sinh gốc (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn, không chung ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở ngoài quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ chồng

I. Closest Relative In the U.S.

Bà con thân thuộc nhất ở Hoa kỳ

a. Name

Họ, Tên

\_\_\_\_\_

b. Relationship

Liên hệ gia đình

\_\_\_\_\_

c. Address

Địa chỉ

\_\_\_\_\_

d. Dates of Relatives Arrival

in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ:

\_\_\_\_\_

2. Closest Relative in Other Foreign Countries

Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

a. Name

Họ, tên

\_\_\_\_\_

b. Relationship

Liên hệ gia đình

\_\_\_\_\_

c. Address

Địa chỉ

\_\_\_\_\_

D. COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/DEAD)/Danh sách toàn thể gia đình (Sống/chết)

1. Father

Cha

: Lý Văn Học (chết)

2. Mother

Mẹ

: Lê Ngọc Mai còn sống 85 tuổi hưởng góa ở Long Xuyên

3. Spouse

Vợ, chồng:

Trần Thị Ghim " hưởng tước 89/4 Đỗ Thanh Nhân SgH.

4. Former Spouse (if any)

Vợ, chồng trước (nếu có):

0

5. Children

Con cái:

- (1) Lý Thanh Thủy sinh năm 1971 học sinh trường Đại thi Xuân  
 (2) Lý Thanh Tâm " 1973 " Lê Quý Đôn  
 (3) Lý Thanh Trang " 1985 " Mầm Giã Bè Ngươn 20  
 (4) \_\_\_\_\_  
 (5) \_\_\_\_\_  
 (6) \_\_\_\_\_  
 (7) \_\_\_\_\_  
 (8) \_\_\_\_\_  
 (9) \_\_\_\_\_

6. Siblings

Anh chị em:

- (1) Lý Thanh Ghim (chết 1989) " Ghim phó Hố Chi Minh  
 (2) Lý Văn Học còn sống " 02 Long Xuyên  
 (3) Lý Văn Long " 02 " "  
 (4) \_\_\_\_\_  
 (5) \_\_\_\_\_  
 (6) \_\_\_\_\_  
 (7) \_\_\_\_\_  
 (8) \_\_\_\_\_  
 (9) \_\_\_\_\_

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name

Tên họ nhân viên : \_\_\_\_\_

Position title

chức vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office

Số/Hãng/Văn phòng: \_\_\_\_\_

Length of Employment From: \_\_\_\_\_

Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_

To: \_\_\_\_\_

Tới \_\_\_\_\_

Name or American Supervisor

Tên họ giám thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc: \_\_\_\_\_

2. Employee Name

Tên họ nhân viên: \_\_\_\_\_

Position title

Chức vụ : \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office

Số/Hãng/Văn phòng: \_\_\_\_\_

Length of Employment

Thời gian làm việc From/từ: \_\_\_\_\_

To:/tới: \_\_\_\_\_

Name of American Supervisor

Tên họ giám thị Mỹ: \_\_\_\_\_

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc : \_\_\_\_\_

3. Employee Name

Tên họ nhân viên: \_\_\_\_\_

Position title

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Agency/Company/Office

Số/Hãng/Văn phòng: \_\_\_\_\_

Length of Employment From: \_\_\_\_\_

Thời gian làm việc Từ \_\_\_\_\_

To: \_\_\_\_\_

Tới \_\_\_\_\_

Name Of American Supervisor

Tên họ giám thị Mỹ \_\_\_\_\_

Reason for Separation

Lý do nghỉ việc: \_\_\_\_\_

F. Service with GVN or RVNAF By you or Your Spouse

Bạn hoặc Vợ/Chồng đã công vụ với Chính phủ Việt Nam

1. Name of Person Serving

Họ tên người tham gia: Lý Thanh Công Số quân: 64/145324

2. Dates:

Ngày, tháng, năm từ: 1962 To: 1975

3. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng: Quân úy Serial Number: \_\_\_\_\_

4. Ministry/Office/Military Unit

Bộ, Sở, Đơn vị/Binh Chung: Đoàn Pháo Quân, Đại Đai 295/DĐQ tiền khu

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám thị/sĩ quan chỉ huy: Đại úy Hoàng

Bình dương

6. Reason for Separation :

Lý do nghỉ việc :

7. Name of American Advisor(s):

Họ tên cố vấn Mỹ :

8. U.S. Training Courses in Vietnam:

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam:

9. U.S. Awards or Certificates Name of award: Date received:

Phân thưởng hoặc giấy khen

Ngày nhận:

NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards, or certificates, if available.

Available? Yes \_\_\_\_\_ No -----.)

CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng thư nếu có.

Đương sự có không? Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_.)

G. Training Outside Vietnam of you or Your Spouse

Bạn hoặc VỢ/CHỒNG đã huấn luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện:

2. SCHOOL and SCHOOL ADDRESS:

Trường và địa chỉ nhà trường:

3. Dates:

From:

To:

Ngày, tháng, năm:

Từ

Tới

4. Description: of Courses:

Mô tả ngành học:

5. Who paid for training:

AI đài thọ chương trình huấn luyện?:

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders if available. Available? Yes \_\_\_\_\_ No \_\_\_\_\_)

CHÚ Ý: Xin bạn kèm theo văn bằng hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? CÓ \_\_\_\_\_ KHÔNG \_\_\_\_\_

H. Re-education of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of person in Reeducation:

Họ tên người đi học tập cải tạo:

2. Time in Reeducation:

From:

To:

Thời gian học tập

từ

Tới:

3. Still in Reeducation? Yes \_\_\_\_\_ No \_\_\_\_\_

Vẫn còn học tập cải tạo? Có \_\_\_\_\_ Không \_\_\_\_\_

x (If released, we must have a copy of your release certificate.)

x (Nếu được thả, chúng tôi cần 1 bản sao giấy ra trại.)

I. Any additional Remarks?/Cước chú phụ thuộc

Vào năm 1971 đến 1974 một phái về, Kỹ thuật Ngân hàng chức vụ kế toán viên do  
Nguyễn Văn Loan làm Giám đốc  
1974 đến 1975 trở về nhiệm vụ cũ là Giám đốc Quốc gia Việt Nam  
Chức vụ kiểm tra tại Nhà thầu tư Ngân hàng

Signature

Ký tên

Date

Ngày

J. Please List here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này

10) - 5 Giấy khai sinh của: Lý Thanh Bông

Trần Thị Chinh

Lý Thanh Chung

Lý Thanh Bám

Lý Brian Thanh Bông

- 1 giấy hôn thú

- 1 giấy chứng nhận đã học tập cải tạo

"hơn đánh máy"

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
République du Viet-Nam

TỐI-CAO PHÁP-VIỆN  
(Cour Suprême)

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Sơ-Thẩm-Angiang  
GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Xã Hội-An  
(Extrait du registre des actes de naissance)

Tỉnh-Angiang (NAM-PHẦN)  
(Sud Viet-Nam)

NĂM 1958  
(Année)

SỐ HIỆU 175  
(Acte No)

Ngày 31-10- 1958  
số 568-DX/738-DD

|                                                    |                                             |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Ấn thế vì khai sanh cho: LỖ-THANH-TÔNG      |
| Nam, nữ.<br>(Sexe de l'enfant)                     | Tòa HGRQ-Angiang, xử về việc hộ trong phiên |
| Sanh ngày nào<br>(Date de naissance)               | nhóm công khai ngày 31-10- 1958 gồm có      |
| Sanh tại chỗ nào<br>(Lieu de naissance)            | các Ông Chánh-Ấn Ngô-Tấn-Cảnh, Lục-sự,      |
| Tên, họ cha<br>(Nom et prénom du père)             | Nguyễn-văn-Vàng đã lên bản án như sau đây   |
| Cha làm nghề gì.<br>(Sa profession)                | Bản Án Tòa Án                               |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                   |                                             |
| Tên, họ mẹ<br>(Nom et prénom de la mère)           | Bởi Các Lễ Ấy                               |
| Mẹ làm nghề gì.<br>(Sa profession)                 | Phán rằng: LỖ-THANH-TÔNG, nam, sanh ngày    |
| Nhà cửa ở đâu.<br>(Son domicile)                   | 16-II-1944 tại xã Hội-An(Angiang) con tư    |
| Vợ chánh hay thứ<br>(Son rang de femme mariée)     | sinh được nhìn nhận của Lý-văn-Học và       |
|                                                    | Lê-Ngọc-Mai.                                |
|                                                    | Phán rằng ấn thế vì khai sanh cho:          |
|                                                    | LỖ-THANH-TÔNG                               |
|                                                    | Ký tên: Ngô-Tấn-Cảnh, Nguyễn-văn-Vàng       |
|                                                    | Cước-Y                                      |
|                                                    | Longxuyên, ngày 11-12-1961                  |
|                                                    | Chánh Lục-Sự                                |
|                                                    | Ấn ký: Bùi-Quang-Nam                        |

Chúng tôi  
(Nous)  
Chánh-ấn Tòa  
(Président du Tribunal)  
chứng cho hợp - pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)  
Ông  
(M.)  
Chánh Lục-Sự Tòa Án sơ tại.  
(Greffier en Chef du Tribunal).  
ngày 19  
CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT).

Trích y bõm chánh :  
(Pour extrait conforme)

Giá tiền 15000  
(Cout)  
Biên-lai số  
(Quittance No)



ngày 0-II- 1970  
CHÁNH LỤC-SỰ,  
(LE GREFFIER EN CHEF),  
muc

TRẦN-BÁ-THẾ

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH CHOLON

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM PHẦN)  
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1940  
(Année)

SỐ HIỆU 6573  
(Acte N<sup>o</sup>)

|                                                    |                                           |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít<br>(Nom et prénom de l'enfant) | Trần-thị-Thỉnh                            |
| Nam, nữ<br>(Sexe de l'enfant)                      | féminin                                   |
| Sanh ngày nào<br>(Date de naissance)               | Le 24-8-1940                              |
| Sanh tại chỗ nào.<br>(Lieu de naissance)           | 390 Bd Armand Rousseau                    |
| Tên, họ cha<br>(Nom et prénom du père)             | Trần-Huân-Côn                             |
| Cha làm nghề gì.<br>(Sa profession)                | Journalier                                |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Rue Palikao<br>qui déclare la reconnaître |
| Tên, họ mẹ.<br>(Nom et prénom de la mère)          | Trần thị Côn                              |
| Mẹ làm nghề gì.<br>(Sa profession)                 | sans profession                           |
| Nhà cửa ở đâu<br>(Son domicile)                    | Rue Palikao                               |
| Vợ chánh hay thứ<br>(Son rang de femme mariée)     | /                                         |

Chúng tôi,  
(Nous)

được Chánh-án Toà Saigon U.N.  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông  
(M.)

Chánh Lục-sư Toà-án sở tại.  
(Greffier en Chef du dit Tribunal).

Saigon, ngày 196

T. U. N. CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT)  
THẨM-PHÁN,

Trích y bản chánh:  
(Pour extrait conforme):

Saigon, ngày 12-5-69 196

KT CHÁNH LỤC-SƯ,  
(LE GREFFIER EN CHEF)



TRẦN THỊ CÂN

MIỄN THỊ THỰC

Theo quyết định 58 7436 STP/HOV  
Ngày 20-7-1968 của Bộ-Tư-Pháp

Giá tiền : 58  
(Coût)  
Biên-lai số : 4593  
(Quittance N<sup>o</sup>)



VIỆT NAM CỘNG HÒA  
ĐÔ THÀNH SAIGON

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: 5

Lập ngày 13 tháng 12 năm 1974

N10

PHƯỜNG Nguyễn-Huỳnh-Đức

Số hiệu: 2172

|                                         |                                                               |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Tên họ đứa trẻ . . . . .                | LY THANH TAM                                                  |
| Con trai hay con gái . . . . .          | Nam                                                           |
| Ngày sanh . . . . .                     | Mười tháng chạp năm một ngàn chín trăm bảy mươi tư, tức 22/05 |
| Nơi sanh . . . . .                      | Hố Đổng An-Sinh                                               |
| Tên họ người cha . . . . .              | LY THANH TONG                                                 |
| Tên họ người mẹ . . . . .               | TRAN-THI-THANH                                                |
| Vợ chánh hay không có hôn-thú . . . . . | Vợ chánh                                                      |
| Tên họ người đứng khai . . . . .        | LAI KHANH                                                     |

SAO Y BẢN CHÍNH

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÍNH

Saigon, ngày 29 tháng 12 năm 1974

Viên-Chức Hộ-Tịch,

ĐẠI LƯU PHƯỜNG

M&amp;U HT2/P3

Số 63  
Quyển số 01111

[illegible]

|                                                                                      |                                                          |                        |         |
|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|---------|
| Họ và tên                                                                            | Sỹ Trần Thanh Trạng                                      |                        | Nam, nữ |
| Sinh ngày tháng, năm                                                                 | Mười một tháng tư, Năm một chín tám mươi lăm (11.4.1985) |                        |         |
| Nơi sinh                                                                             | Bắc Giang Huyện Yên Thế Q3.                              |                        |         |
| Khai về cha, mẹ                                                                      | CHA                                                      | MẸ                     |         |
| Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)                                           | Sỹ Thanh Công<br>1944                                    | Trần Thị Chính<br>1940 |         |
| Dân tộc                                                                              | Hmít                                                     | Khơ Mú                 |         |
| Quốc tịch                                                                            | Việt                                                     | Nam                    |         |
| Nghề nghiệp                                                                          | Công nhân, rèn.                                          | Nhiều                  |         |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                  | 89/4 Đ. Hồ Chí Minh                                      | Thị trấn Phố Mới       |         |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai | Sỹ Thanh Công                                            |                        |         |

Đã ký ngày 25 tháng 4 năm 1985  
TM/UBND Quản Ký tên, đóng dấu  
(ghi rõ họ tên, chức vụ)



Handwritten signature: *Handwritten*



ỦY-VIÊN TƯỞNG

Le Thanh Hoang

Quận Tư

Số hiệu 8

20

# TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG Lý thanh Tông

nghề - nghiệp Quân nhân  
sinh ngày 16 tháng 11 năm 1944  
tại An Giang

cư - sở tại Sài Gòn, 0 222 Xóm chiếu

tạm trú tại //

Tên họ cha chồng Lý Văn Hạo  
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Lê Ngọc Hoi  
(Sống chết phải nói)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ Trần thị Thịnh

nghề - nghiệp Hộ trợ  
sinh ngày 24 tháng 8 năm 1940  
tại Chợ Lớn

cư - sở tại Sài Gòn, 137 Ngõ Nhơn Tịnh

tạm trú tại //

Tên họ cha vợ Trần Hữu Cón (o)  
(Sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Trần thị Con (o)  
(Sống chết phải nói)

Ngày cưới 8 tháng 1 năm 1971

Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế //

ngày tháng năm //

tại //

TRÍCH LỤC Y BỒN CHÍNH: M.6

Sài Gòn, ngày 6 tháng 2 năm 1967

Quận - Trưởng Quận Tư,  
Viên - Chức Hộ - Tịch,



*[Handwritten signature]*

NGUYỄN-MẠCH-HUYỀN  
Độc Sự Hành Chánh

MIỄN PHÍ

**Ủy Ban Quản Quản  
Thành Phố Sài Gòn - Gia-Dịnh**

**CỘNG HÒA MIỀN NAM VIỆT NAM**  
**Độc Lập — Dân Chủ — Hòa Bình — Trung Lập**

Số 010135 /CN

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
ĐÃ HỌC TẬP CẢI TẠO**



Họ và tên thật: Ly Thanh Công

Tên thường gọi .....

Ngày sinh .....16.....11.....1944.....

Quê quán Hải An... Ché nh... An Giang

Chỗ ở hiện tại ..... 89/1

Đỗ<sup>3</sup> Thanh Nhân<sup>4</sup> Sài Gòn<sup>4</sup>

Số căn cước .... G.C.N. Q.Đ. 2362 Cấp bậc .....

Chức vụ công khai .... Kiểm tra ..... Bệnh chứng .....

Chức vụ bí mật ..... Đơn vị ..... NHT. Q. 6

ĐẠI HỌC TẬP ..... 3 .. NGÀY TẠI Ngắm Măng Lười Spa.....

Ngôn cái trái      Ngôn cái phải

NIHAN DANG : Cao 1m 65, Nặng 44 kg

Dầu riêng 1... 1.5... 1.5... 1.5... 1.5...

Sài Gòn ngày 14 tháng 7 năm 1975

TM: UY BAN QUAN QUAN

3 Ban An Ninh Nội Chính

CAO-DANG-CHIEM

**CHÚ Ý** — Khi về phải xuất trình giấy chứng nhận này cho địa phương.

— Nghiệm chính chấp hành mọi chủ trương chính sách của chính quyền sách mạng.

Luôn luôn chấp sự giáo dục của chính quyền, phân dân địa phương và tư học tập cải tạo để mau chóng trở thành người dân lương thiện.

Mất phải báo cáo ngay cho chính quyền và an ninh địa phương



*Handwritten:*  
Kauf  
3 Aug 1  
Ken

**SECURITY POST**  
**Recommande**



RR000193270AU

PO. BOX 5435 ARLINGTON

VA 22.205.0635

SL. USA

From: THI LY TRAM





23942  
13

By A.

100338